

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 132/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22/5/2024
“V/v: Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

Ông Trần Văn Chánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà La Nguyễn Minh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa: Bà Trần Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 20/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2024 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/4/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Bích T, sinh năm 1993.

HKTT: Tổ 9, ấp H, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Tạm trú: tổ 17, khu phố H1, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1995.

HKTT: Tổ 9, ấp H, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Thạnh Hòa.

(bà T, ông V có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Bích T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn V kết hôn vào năm 2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống, bà T và ông V phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông V không chăm lo cho gia đình. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T đề nghị giải quyết cho bà được ly hôn với ông V.

- Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Minh T1, sinh ngày 31/8/2017 và Nguyễn Anh K, sinh ngày 04/5/2022. Khi ly hôn bà T đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Tạm thời không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Tại biên bản làm việc, bị đơn ông Nguyễn Văn V trình bày:

Ông và bà Huỳnh Thị Bích T không còn tình cảm, hôn nhân không thể hàn gắn nên bà T xin ly hôn thì ông đồng ý.

- Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Minh T1, sinh ngày 31/8/2017 và Nguyễn Anh K, sinh ngày 04/5/2022. Ly hôn, ông V đồng ý giao hai con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tạm thời ông V không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

*** Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật;

Về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Huỳnh Thị Bích T. Bà T được ly hôn với ông Nguyễn Văn V.

+ Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Minh T1, sinh ngày 31/8/2017 và Nguyễn Anh K, sinh ngày 04/5/2022 cho bà Huỳnh Thị Bích

T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông Nguyễn Văn V không cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Về án phí: bà T phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Huỳnh Thị Bích T và ông Nguyễn Văn V có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 1 điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Bích T và ông Nguyễn Văn V tự nguyện tìm hiểu, sống chung với nhau vào năm 2017 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ các điều 8, 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 xác định quan hệ hôn nhân của bà T, ông V là hợp pháp. Nay bà T xin ly hôn, Tòa án căn cứ vào Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của bà T: Bà T xin ly hôn với ông V với lý do ông V không chăm lo cho gia đình nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Ông V trình bày hai vợ chồng ông bà không còn tình cảm, bà T xin ly hôn ông cũng đồng ý.

Xét thấy, Tòa án đã xác minh về mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Huỳnh Thị Bích T và ông Nguyễn Văn V khi ông bà sống chung tại phường P, thành phố B. Đại diện chính quyền địa phương cho biết bà T, ông V chung sống có mâu thuẫn hay không địa phương không biết do các đương sự không báo chính quyền địa phương. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ giữa bà T và ông V nhưng bà T vẫn kiên quyết ly hôn, và ông V cũng đồng ý ly hôn, cho thấy bà T, ông V không còn muốn níu kéo cuộc hôn nhân này.

Do đó, mâu thuẫn giữa bà T và ông V là có thật, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Huỳnh Thị Bích T được ly hôn ông Nguyễn Văn V.

[4] Về con chung: Bà T, ông V có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Minh T1, sinh ngày 31/8/2017 và Nguyễn Anh K, sinh ngày 04/5/2022. Ly hôn, bà T đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông

V cấp dưỡng nuôi con. Ông V cũng đồng ý giao hai con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời ông V không cấp dưỡng nuôi con.

Nhận thấy, Tòa án đã lấy ý kiến của cháu Nguyễn Thị Minh T1 và nguyện vọng của cháu là được ở với bà T. Hiện nay, cháu Thu và cháu Khôi đang sinh sống với bà T. Do đó, yêu cầu của bà T về việc trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, tạm thời ông V không cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Bà T, ông V khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà T, ông V khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[8] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điều 203, điều 235, điểm a, b khoản 1 điều 238, 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Áp dụng Điều 8, 9, 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị Bích T. Bà Huỳnh Thị Bích T được ly hôn với ông Nguyễn Văn V.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Minh T1, sinh ngày 31/8/2017 và Nguyễn Anh K, sinh ngày 04/5/2022 cho bà Huỳnh Thị Bích T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông Nguyễn Văn V không cấp dưỡng nuôi con.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông V được quyền đi lại thăm con không ai cản trở. Vì quyền lợi của trẻ khi cần thiết ông bà được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Bích T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu

số: 01821 ngày 20/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND thành phố Biên Hòa (2);
- THA Dân sự thành phố Biên Hòa (1);
- UBND phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (1);
- Đương sự (4);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thanh Thủy